

KINH TẾ CHÍNH TRỊ B

Câu 1:

A – Tính tất yếu khách quan và lợi ích của việc duy trì và phát triển nhiều thành phần kinh tế ở nước ta:

_ Thành phần kinh tế là 1 kiểu sản xuất kinh doanh gắn liền với 1 hình thức tổ chức kinh tế nhất định và những chế độ sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

_ Cơ sở tồn tại của nhiều thành phần kinh tế chính là sự đa dạng hóa quan hệ sở hữu.

_ Nước ta hiện nay có 5 thành phần kinh tế:

+ Kinh tế nhà nước

+ Kinh tế hợp tác xã.

+ Kinh tế tư bản nhà nước.

+ Kinh tế tư bản (kinh tế tư nhân)

+ Kinh tế cá thể tiểu chủ.

_ Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta phải duy trì và phát triển nhiều thành phần kinh tế vì 2 lý do:

+ Xuất phát từ tính kế thừa trong hoạt động kinh tế và đặc điểm cải tạo XHCN về quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Tính kế thừa hoạt động kinh tế biểu hiện ở chỗ trước khi ta bước vào thời kỳ quá độ thì đã có sẵn các quá trình sản xuất kinh doanh : dựa trên chế độ tư hữu như : sản xuất của các nhà tư bản, sản xuất của tiểu nông, thợ thủ công, hoạt động kinh doanh của tiểu thương, tiểu chủ. Ban đầu bước vào TKQĐ nếu xoá bỏ ngay những quá trình sản xuất kinh doanh đó thì đời sống xã hội sẽ bị hủy diệt, còn nếu chuyển ngay thành kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác thì sẽ không thích ứng được kịp thời và làm cho sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, trì trệ, thậm chí là bị tan rã. Nói tóm lại , xử lý như trên sẽ làm sản xuất và đời sống bị đảo lộn, không có cách nào khác là phải làm cho các quá trình sản xuất kinh doanh đó được kế thừa, lưu lại và được tiếp diễn bình thường.
- Còn đặc điểm cải tạo XHCN được thể hiện ngay thời kỳ đầu của thời kỳ quá độ thì đã có một số: kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế TB nhà nước. Tiếp theo, qua quá trình xây dựng mới, quá trình có một số chủ kinh doanh tư nhân chủ động kết hợp với nhà nước hoặc hợp tác làm ăn theo tính chất tập thể và theo quá trình đó kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác và kinh tế TB nhà nước sẽ ngày càng mở rộng ra, ngày càng củng cố và phát triển và chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Nó chính là cải tạo XHCN trong TKQĐ. Tuy nhiên, muốn quá trình này có hiệu quả, muốn giành thắng lợi thật sự trong quá trình phát triển thì phải là quá trình diễn biến lâu dài đi dần dần từng bước cho phù hợp thực tế. Như vậy, nhìn chung trong 1 thời gian lâu dài phải có nhiều kiểu sản xuất kinh doanh khác nhau cùng tồn tại, vận động và tác động qua lại để cùng phát triển, đó chính là quá trình duy trì và phát triển nhiều thành phần kinh tế.
- Phải phù hợp với yêu cầu quy luật: quan hệ sản xuất phù hợp tính chất, trình độ phát triển của llsx bởi vì trong TKQĐ lên CNXH nhất là buổi đầu thì llsx phát triển chưa cao, thậm chí nó còn thấp kém, mà llsx thấp kém thì đồng thời không đồng đều (có quá trình sản xuất kinh doanh có trình độ hiện đại, có chỗ trình độ lạc hậu, chỗ sản xuất lớn, chỗ sản xuất nhỏ...). Với trạng thái llsx như vậy đòi hỏi cũng phải

có qhsx đa dạng dựa trên nhiều loại quan hệ sản xuất khác nhau thì mới thích ứng được với llsx một cách linh động => Việc duy trì và phát triển nhiều thành phần kinh tế trong TKQĐ lên CNXH của ta mang lại rất nhiều lợi ích:

- ✓ Có thể lợi dụng được các thế mạnh của các thành phần kinh tế tư hữu như : sức mạnh về vốn liếng, cung cấp việc làm, giải quyết thất nghiệp, sản phẩm cung cấp cho thị trường và cho xã hội; riêng thành phần kinh tế TB thì còn một số thế mạnh khác như trình độ KTCN hiện đại, kinh nghiệm quản lý của các doanh nghiệp sản xuất lớn, kinh nghiệm phát triển và vận dụng quan hệ thị trường, quan hệ hàng tiền, kinh nghiệm xây dựng và vận dụng pháp luật phù hợp kinh tế thị trường, có sẵn các mối quan hệ kinh tế với TB nước ngoài.
- ✓ Nó tạo ra điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường vì điều kiện hiện nay mà trong TKQĐ nói chung, duy trì và phát triển nhiều thành phần kinh tế thể hiện phân công lao động xã hội được phát triển, đồng thời làm cho doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân tăng sản lượng, đa dạng hóa về chủng loại và đảm bảo được tính tự chủ (tính độc lập tương đối) giữa chúng.
- ✓ Trong điều kiện chuyển từ nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường thì việc duy trì và phát triển nhiều thành phần kinh tế sẽ giải phóng mọi llsx, tận dụng được mọi tiềm năng, phát huy được mọi nguồn lực hoạt động kinh tế của đất nước.

B – Nội dung, vị trí, xu hướng vận động của các thành phần kinh tế trong TKQĐ của nước ta:

1/ Nội dung, vị trí của các thành phần kinh tế:

a) Kinh tế nhà nước: là 1 thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu toàn dân về llsx đang mang hình thức là sở hữu nhà nước : trước đây, quan niệm về kinh tế nhà nước , người ta chỉ nghĩ đến doanh nghiệp nhà nước (xn quốc doanh). Hiện nay, khái niệm kinh tế nhà nước được mở rộng ra thuộc kinh tế nhà nước, ngoài các doanh nghiệp nhà nước kể cả ngân hàng thương mại còn có một số đối tượng khác: nguồn vốn được nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác bằng cách mua cổ phiếu, trái phiếu và liên doanh, liên kết bao gồm tất cả các tài sản của nhà nước, tài sản công nằm trong các cơ quan: đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội ...(trường học, bệnh viện...), đặc biệt trong đó có ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ của ngân hàng nhà nước và các quỹ bảo hiểm, tài nguyên thiên nhiên, uy tín của nhà nước.

_ Riêng doanh nghiệp nhà nước hiện nay phân chia -> 3 loại:

+ Dn đảm bảo an ninh quốc phòng: sản xuất vũ khí, là doanh nghiệp không nhằm mục đích lợi nhuận.

+ Dn công ích: câu lạc bộ, nhà văn hóa, không nhằm mục đích lợi nhuận.

+ Dn kinh doanh: doanh nghiệp nhằm mục đích kinh tế

_ Kinh tế nhà nước có vai trò, vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nó đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ngay từ đầu, sở dĩ nó như vậy vì những lý do:

+ Kinh tế nhà nước thường được thể hiện -> những doanh nghiệp có quy mô lớn và hiện đại, hơn nữa nó chiếm lĩnh các vị trí then chốt của nền kinh tế: gtv, ngân hàng, bảo hiểm, CN nặng (điện, nước, dầu khí, hóa chất, vlxđ...)

+ Nó dựa trên chế độ sh nhà nước, mà nếu triển khai được tốt để bảo đảm đúng bản chất tốt đẹp của nó, nó tạo ra qhsx tiến bộ xã hội để tạo điều kiện cho llsx phát triển nhanh chóng.

+ Nó là lực lượng trực tiếp nằm trong tay nhà nước, cho nên trong nhiều trường hợp nó được nhà nước hỗ trợ một cách trực tiếp để phát triển.

_ Tuy nhiên, hiện nay, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước của chúng ta vẫn còn những hạn chế. Như vậy, trước mắt là phải nỗ lực phấn đấu để nâng cao vai trò chủ đạo của nhà nước theo tinh thần vươn lên để thể hiện vai trò chủ đạo bằng chính sức mạnh của mình. Kinh tế nhà nước chỉ thực sự đóng vai trò chủ đạo khi mà nó làm gương cho các thành phần kinh tế khác như:

+ Trước hết phải làm gương về hiệu quả sản xuất, chất lượng.

+ Làm gương về tính chất tiến bộ, văn minh trong quan hệ giữa người với người ngay trong quá trình sản xuất.

b) Kinh tế hợp tác: là thành phần kinh tế bao gồm: những người lđ đã tự động liên kết lại với nhau để kết hợp sức mạnh từng thành viên với sức mạnh cả cộng đồng nhằm giải quyết tốt hơn những vấn đề về sản xuất kinh doanh và đời sống.

_ Như vậy, kinh tế hợp tác xét cho cùng là phải dựa trên chế độ sh tập thể về tlsx.

+ Hợp tác hóa: htac về lao động.

+ Tập thể hóa: tập thể về vốn liếng và tlsx.

+ Hợp tác hóa đi trước và tập thể hóa đi sau. Tập thể hóa tlsx và vốn liếng được thực hiện bằng cách góp cổ phần để kinh doanh chung. Con đường để phát triển kinh tế hợp tác từ hợp tác hóa -> tập thể hóa được gọi chung là con đường hợp tác hóa.

_ Muốn hợp tác hóa thành công thì đảm bảo các nguyên tắc sau: tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

c) Kinh tế TB nhà nước: là thành phần kinh tế trong đó nhà nước kết hợp kinh doanh với các nhà TB trong và ngoài nước, nhà nước thường có chức năng về kinh tế. Tuy nhiên, trước đây, nhà nước chỉ can thiệp kinh tế từ ngoài vào, hoặc từ trên xuống, còn trong CNTB nhà nước thì nhà nước trở thành một trong những nhân tố cấu thành trực tiếp của hệ thống kinh tế (đồng sh).

_ CNTB nhà nước trong CNTB là CNTB độc quyền nhà nước, ở đây nhà nước bị phụ thuộc vào các nhà TB, còn CNTB nhà nước trong thành phần kinh tế TB nhà nước trong TKQĐ thì nhà nước đóng vai trò chi phối lãnh đạo.

_ Kinh tế TB nhà nước (trong TKQĐ) dựa trên hai chế độ sh là : sh nhà nước và sh TBCN về tlsx trước đây, kinh tế TB nhà nước ở nước ta tồn tại dưới hình thức là các xn công tư hợp doanh, mà thực chất là tn đã làm cho nó thành xn quốc doanh, tức CNTB nhà nước chỉ tồn tại một cách hình thức, tức là vi phạm luật hợp doanh. Bây giờ ta phải sửa chữa sai lầm đó: phải tôn trọng luật hợp doanh, làm như vậy ta mới động viên được nhiệt tình của nhà TB, từ đó các doanh nghiệp kinh tế nhà nước mới hoạt động có hiệu quả.

d) Kinh tế TB tư nhân: là thành phần kinh tế dựa trên chế độ tư hữu TBCN về tlsx có quan hệ bóc lột gttdư, có quan hệ chủ TB_công nhân làm thuê. Tuy nhiên, vì nó tồn tại trong TKQĐ lên CNXH cho nên tính chất và trình độ bóc lột gttdư bị hạn chế lại trong phạm vi pháp luật cho phép.

2/ Xu hướng vận động của các thành phần kinh tế trong TKQĐ lên CNXH ở nước ta:

a) Trước hết ta thấy rằng các thành phần kinh tế trong TKQĐ lên CNXH cùng tồn tại, cùng vận động, cùng đđộng qua lại để cùng phát triển với nhau, đđ thời đó là quá trình đđộng qua lại có t/c 2 mặt: vừa><, vừa thống nhất. Giữa các thành phần kinh tế có > < bởi vì nó dựa vào các quan hệ sở hữu khác nhau về tlsx, các thành phần kinh tế có sự khác nhau về bản chất xã hội trực tiếp dẫn đến có sự khác nhau về lợi ích của doanh nghiệp, đồng thời giữa các thành phần kinh tế thống nhất ở chỗ là cùng phải nằm trong hệ thống phân công lao động xã hội, kết quả hoạt động của họ phải được thị trường, cần xã hội chấp nhận để được dung nạp, cấu thành là 1 bộ phận trong nền KTQĐ, hơn nữa các doanh nghiệp của các TPKT đều phải chịu sự quản lý kinh tế của nhà nước, hưởng về CNXH và cang về sau còn phải chịu sự tđ bởi vai trò chủ đạo của TPKT nhà nước.

Tóm lại các TPKT xét đến phải hoạt động theo mục tiêu của TKQĐ lên CNXH và mặt thống nhất là cơ bản (chủ yếu).

b) Từ 2 mặt >< và thống nhất như on, các TPKT trong TKQĐ phải vận động và phát triển theo đường hướng như sau:

Mỗi TPKT đều phải tạo điều kiện để phát triển mạnh LLSX (tường TLSX về số lượng và chất lượng, sức lao động ngày càng nâng cao trình độ, phân công lao động, cách tổ chức quản lý trong doanh nghiệp dẫn đến hiệu quả kinh doanh phát triển, tăng năng suất). Khi LLSX của các TPKT phát triển đến trình độ nhất định thì giữa các TPKT sẽ gặp nhau, va chạm nhau về hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường sẽ dẫn đến tình thế vừa cạnh tranh, vừa hợp tác dẫn đến phát sinh nhu cầu liên kết, liên doanh về kinh tế, trong điều kiện đó thì các TPKT có khả năng và điều kiện thuận lợi hơn đối với liên doanh, liên kết kinh tế, sẽ có điều kiện phát triển nhanh hơn: trước hết là TPKT nhà nước, tiếp là TPKT hợp tác, đặc biệt là kinh tế nhà nước, cuối cùng thì tất cả các TPKT tự khắc là phải xoay quanh TPKT nhà nước, hoạt động theo hướng hoạt động doanh nghiệp nhà nước và chuyển hóa từng bước tiến tới KT nhà nước.

Câu 2: CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân là 1 nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH.

A – Tính tất yếu khách quan của quá trình CNH, HĐH nền KTQĐ ở nước ta:

CNH là 1 quá trình chuyển biến các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lý KTXH từ chế độ lao động thủ công là chủ yếu sang chỗ sử dụng sức lao động 1 cách phổ biến gắn với công nghệ, tiên tiến, pp hiện đại để làm cho hoạt động của nền kinh tế có năng suất và hiệu quả cao hơn. Như vậy, quá trình CNH phải được hiểu 1 cách toàn diện: trước hết phải chuyển nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu năng suất thấp tiến tới nền kinh tế CN hđai, nsuất cao, đồng thời từ đó thay đổi tính chất và phức tạp hoạt động cho all lĩnh vực sản xuất xã hội. Thực chất của quá trình CNH là quá trình tạo ra cs vc kỹ thuật hiện đại và mọi yếu tố hiện đại khác của llsx để làm cho nền kinh tế có 1 sự thay đổi về chất, sau đó then chốt nhất là quá trình thay thế lao động TC = lao động sử dụng máy móc.

Mỗi 1 pthức sản xuất đều phải có 1 cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng cs vs kthuật của CNXH phải là nền đại CN cơ khí hoá tiến lên tự động hóa và có cơ cấu hoàn chỉnh hơn so với cs vc kthuật của CNTB để phục vụ, đảm bảo cho mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh được hiện thực hóa ngày càng đầy đủ.

Trong điều kiện hiện nay khi nói đến cs vc kthuật của CNXH, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến tính chất hiện đại hóa của nó.

Hiện nay, chúng ta đang ở TKQĐ lên CNXH, từ 1 nền kinh tế nói chung còn lạc hậu, về cơ bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp dựa trên kthuật TC là phổ biến (dựa trên công cụ cầm tay) và tính chất sản xuất nhỏ nên còn nặng nề, do đó muốn tiến lên CNXH thì chúng ta phải tiến hành quá trình CNH, HĐH đất nước để xây dựng cs vc kthuật của xã hội. Từ đó tạo ra kinh tế CN hđai thay thế nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Đó là lí do ngay từ ĐH Đảng lần III 1960, Đảng ta khẳng định CNH là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt TKQĐ và hiện nay chúng ta tiếp tục khẳng định quan điểm đó.

B – Tác dụng CNH, HĐH:

- _ Tạo ra điều kiện vc để llsx có thay đổi về chất từ đó để nâng cao đời sống dân: vc và tinh thần.
- _ Tạo ra điều kiện vc để củng cố, mở rộng và phát triển quan hệ sản xuất XHCN.
- _ Tạo điều kiện vc cho khối liên minh công – nông – trí thức trở thành vững chắc và phát triển theo hướng văn minh hiện đại.
- _ Tạo điều kiện vc để cho nhà nước thực hiện được và nâng cao được chức năng quản lý kinh tế xã hội.
- _ Cung cấp điều kiện vc để củng cố và phát triển công tác an ninh và quốc phòng.
- _ Cung cấp điều kiện vc để chúng ta làm tốt, phát triển tốt quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 3: Mục tiêu và quan điểm mới (cơ bản) của quá trình CNH HĐH nền KTQD trong TKQĐ ở VN

A – Mục tiêu:

1/ Mục tiêu lâu dài:

Xây dựng cs vc kthuật của CNXH, từ đó để phát triển mạnh llsx kéo theo là cải tạo quan hệ sản xuất theo hướng XHCN để nâng cao năng suất lao động kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống của dân và cuối cùng để phục vụ cho mục tiêu nói của TKQĐ: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

2/ Mục tiêu trung hạn:

Dự kiến năm 2020 thì chúng ta phải biến VN cơ bản thành 1 nước CN.

3/ Mục tiêu trước mắt:

Dự kiến năm 2000 phải tạo ra những tiền đề cần thiết để bắt đầu bước vào TK 21 để có thể tiến hành CNH 1 cách trực tiếp và mạnh mẽ.

Cụ thể là làm GDP/đầu người vào năm 2000 đạt 400USD, tức là gấp đôi so với năm 1990.

B – Quan điểm mới:

+ Củng cố phát triển tính chất độc lập, tự chủ của nền kinh tế đi đôi với mở rộng, hợp tác qtế, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại (đa dạng hóa về hình thức).

Trước hết, qua quá trình CNH, phải thiết lập, xây dựng cho được 1 số ngành nghề, doanh nghiệp có tính chất mũi nhọn, đó là những vị trí có ý nghĩa qui định đối với quốc tế dân sinh, là những mặt hàng có giá trị kinh tế rất cao trong xk, có số lượng lớn, có lợi thế tương đối và tuyệt đối.

Mặt khác, để tích cực, tranh thủ hợp tác quốc tế, phân công lao động qtế để tổ chức sản xuất và tiêu dùng với hiệu quả cao nhất.

+ Phải xem CNH, HĐH nền KTQD là sự nghiệp của toàn dân, của tất cả các thành phần kinh tế.

- + Phải lấy phát huy nguồn lực con người làm nhân tố cơ bản cho quá trình phát triển nhanh chóng và bền vững.
- + Khoa học và công nghệ là động lực trực tiếp của quá trình CNH, HĐH nền KTQD.
- + Phải lấy hiệu quả KTXH làm tiêu chuẩn cơ bản để lựa chọn và đánh giá đối với các phán về KHCNghệ, về sản xuất kinh doanh, về đầu tư.
- + Kết hợp kinh tế với yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Câu 4: Nội dung cơ bản của CNH, HĐH ở nước ta:

_ Xd csvckt của CNXH để phát triển llsx, rồi từ đó cải tạo được quan hệ sản xuất theo hướng tiến bộ để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống của nhân dân.

Thứ nhất, xây dựng 1 nền đại CN cơ khí hoá tiến lên tự động hóa phù hợp khả năng và nhu cầu của đất nước, phù hợp với tính chất của thời đại, không nhất thiết là phải triển khai tất cả mọi ngành CN mà chỉ triển khai những ngành CN thực sự mang lại hiệu quả KTXH cho đất nước (CN cơ bản, ccụ cho sản xuất NN, hàng tiêu dùng...).

Trên cơ sở đó, kết hợp với phân công lao động quốc tế, quan hệ kinh tế đối ngoại để trang bị cải tạo kth đại, cho toàn bộ nền KTQD và mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Từ đó sẽ cải tạo công thức hoạt động, nề nếp làm ăn theo hướng sản xuất lớn, kth cao và có kỷ luật CN chặt chẽ.

Trong điều kiện hiện nay, nội dung 1 này phải quan tâm đến mối quan hệ CNH phải tranh thủ gắn liền với HĐH.

_ Qtrình CNH, HĐH nền KTQD cũng là quá trình phải mạnh mẽ hệ thống phân công lao động xã hội, phân chia ngành nghề có sẵn thành ngành nghề chi tiết hơn, xác lập 1 số ngành nghề mới đại và đồng thời đây cũng là quá trình làm cho cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ (bộ phận cấu thành và quan hệ tỉ lệ cấu thành của các bộ phận cấu thành của nền kinh tế).

Hiện nay, cơ cấu kinh tế của nước ta được xác lập theo nhiều mặt:

- + Về ngành nghề: cơ cấu công nông nghiệp dịch vụ.
- + Về quan hệ sở hữu: cơ cấu nhiều thành phần kinh tế.
- + Về mặt llsx: cơ cấu nhiều trình độ công nghệ (thủ công, cơ khí hoá, tự động hóa...)
- + Cơ cấu kinh tế đối nội và kinh tế đối ngoại.
- + Mối quan hệ kinh tế với lĩnh vực bên ngoài: Cơ cấu kinh tế và quốc phòng, trong đó nổi lên 2 cơ cấu mà người ta nói đến nhiều nhất là cơ cấu ngành nghề và cơ cấu nhiều thành phần kinh tế.

Cơ cấu ngành nghề chuyển dịch theo hướng tiến bộ: làm tỉ lệ NN ngày càng giảm so với CN, tỉ lệ CNN ngày càng giảm so với dịch vụ nói chung, hoạt động dịch vụ càng về sau càng đạt tốc độ phát triển nhanh nhất.

Tỉ lệ ở đây thể hiện trên cả 2 mặt GDP (hoặc GNP) và cả về lao động.

Cơ cấu nhiều thành phần chuyển dịch theo hướng tiến bộ làm kinh tế NN phát triển ngày càng cao, kinh tế hợp tác (nt)

_ Qtrình CNH, HĐH sẽ kéo theo quan hệ sản xuất được cải tiến ngày càng tiến bộ, từ đó làm cho nền sản xuất nói chung phát triển ngày càng nhanh, mạnh và bền vững, từ đó sẽ tạo ra thế và lực cho nền KTQD để phát triển quan hệ tốt kinh tế đối ngoại.

Câu 5: Những điều kiện tiên đề cần thiết để CNH, HĐH:

_ Phải thực hiện tốt quá trình tích lũy vốn. Đây là điều kiện vơ trực tiếp và cần thiết nhất đối với quá trình CNH. Phải tích lũy vốn cho CNH từ 2 nguồn: trong và ngoài nước, trong đó nguồn trong nước là qui định, nguồn ngoài nước là im..Vốn trong nước xét đến cùng muốn tích lũy được phải tạo ra được sản phẩm thặng dư, phải phát triển nsld, phát triển hiệu quả kinh doanh. Còn vốn bên ngoài thì hiện nay ta có nhiều kinh nghiệm để thu hút = con đường liên doanh, lkết với bên ngoài = cách thu hút các nguồn tài trợ, trong đó có:

+ Nguồn chính thức ODA (tức là vốn tài trợ qua chính phủ các nước).

+ Nguồn trực tiếp (FDI) tức là tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta cho vay theo lãi suất thị trường.

Hiện nay, muốn thu hút được nhiều vốn vào guồng máy sản xuất kinh doanh và đầu tư cho CNH thì phải tổ chức tốt thị trường tài chính bao gồm:

- Ttrường tiền tệ : là thị trường để chuyển đổi giữa các thị trường với nhau.
- Ttrường tài chính: trước hết hệ thống tín dụng của NH và các hệ thống tài chính khác.
- Ttrường chứng khoán: thị trường hiện đại nhất.

_ Nguồn nhân lực: nói chung phải đào tạo được 1 đội ngũ người lao động đáp ứng được yêu cầu của CNH và cơ chế thị trường. Trước hết đó là nguồn nhân lực đủ về số lượng và phải tốt về chất lượng (có sức khỏe, có trình độ VH, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thích hợp và ngày càng được nâng cao hơn), phải có cơ cấu đồng bộ: có người làm về KHTN, KHKThuật, cán bộ quản lý từ xã hội đến kinh tế, cán bộ lãnh đạo, cán bộ Kthuật từ kĩ sư đến kthuật viên, bồi dưỡng và sử dụng, phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa gd đào tạo với nghiên cứu và thực nghiệm KH với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Câu 6: Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại và phát triển nkth ở nước ta:

Nói chung sản xuất và trao đổi hàng hóa, quan hệ hàng hóa – tiền tệ trước hết là 1 phương thức hoạt động kinh tế đồng thời là 1 hình thức tổ chức kinh tế mâu thuẫn nkt tự cấp tự túc:

Quá trình sản xuất và trao đổi hàng hóa và quan hệ hàng hóa – tiền tệ có thể phân chia thành 3 giai đoạn:

+ Gđ1: nền sản xuất hàng hóa phát triển từ giai đoạn thấp, quan hệ trao đổi tiền tệ chưa được phổ biến hoá.

+ Gđ2: sản xuất hàng hóa đã phát triển cao gọi là nền kinh tế hàng hóa.

+ Gđ3: nkth phát triển cao gọi là nkth thị trường. Kinh tế thị trường ra đời khi sản xuất và trao đổi hàng hóa, đặc biệt là quan hệ tiền tệ đã được biến hóa đến mức bao trùm toàn bộ nền kinh tế hàng hóa. Muốn có tình hình đó thì sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên nền sản xuất lớn dựa trên nền đại CN cơ khí hóa tiến lên tự động hóa. Ở nước ta hiện nay, sự tồn tại và phát triển nền kinh tế hàng hóa là 1 tất yếu khách quan vì các lý do sau:

_ Lý do 1: xu thế vận động nói chung của nền kinh tế TG hiện nay từ đầu chế độ CHNLê thì llsx của xã hội loài người đã phát triển đến mức tạo ra được điều kiện cho sự ra đời và tồn tại của hàng hóa và sản xuất hàng hóa. Cho đến nay thì llsx trên TG vẫn chưa vượt qua được khuôn khổ có thể tạo ra được điều kiện mới để phủ định quan hệ hàng hóa tiền

tệ, tạo ra 1 hình thức tổ chức kinh tế cao. Đối với nước ta, llsx phát triển thấp hơn nhiều thì lại càng không có tổ chức kinh tế nào hơn so với sản xuất trao đổi hàng hóa.

_ Lý do 2: nước ta cùng các nước XHCN khác đã từng qua 1 thời kỳ phát triển kinh tế theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, sản xuất và trao đổi hàng hóa bị hạn chế, nkt mang tính chất hiện vật, mang tính tự cấp tự túc, đã làm cho nkt bị trì trệ, thậm chí bị rơi vào tình trạng khủng hoảng toàn diện, nghiêm trọng, kéo dài. Sau đó, muốn thoát khỏi tình trạng đó phải làm ngược lại, tức là phải chủ trương phát triển mạnh sản xuất và trao đổi hàng hóa. Và quả thực, khoảng 10 năm thực hiện chủ trương đó, chúng ta tạo được điều kiện để phát triển sản xuất kinh doanh 1 cách mạnh mẽ và nhanh chóng nâng cao nsld, nâng cao được sản phẩm (nhiều về số lượng và đa dạng về chủng loại, tốt), nâng cao được thu nhập và đời sống nhân dân. Tổng quát thay đổi cục diện sản xuất và đời sống.

Đặc biệt gần 10 năm qua, chúng ta đã đạt được thành tựu rất nổi bật làm TG kinh ngạc và thán phục đó là kiểm chế và chống được lạm phát 1 cách tương đối có hệ thống. Sở dĩ phát triển kthh mang lại một kquả khả quan như vậy là khi được tự do sản xuất và trao đổi hàng hóa thì qui luật giá trị được tự do hoạt động và phát huy tác dụng 1 cách trực tiếp theo mệnh lệnh của thị trường theo động cơ lợi nhuận. Chính động cơ lợi nhuận tạo động lực tích cực cho sản xuất kinh doanh, động lực này lại càng phát triển thêm sức mạnh hơn nữa thông qua cạnh tranh, cạnh tranh đảm bảo cái lợi cho thế mạnh, mạnh trong kinh tế: năng suất, chất lượng, hiệu quả đạt ở mức cao. Từ động lực thúc đẩy mạnh mẽ và điều kiện cạnh tranh gay gắt làm phát triển kinh tế có tính chất đa dạng, sinh động. Tính chất phát triển nhanh mạnh, sinh động, còn được củng cố thêm từ kết quả của bản thân phát triển kinh tế hàng hóa bởi vì khi phát triển nhanh mạnh, sinh động thì đời sống của con người sẽ được cải thiện, thu nhập được nâng cao, từ đó làm tăng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, mở rộng dung lượng của thị trường, đồng thời kết cấu và nhu cầu thị trường cũng phức tạp. Mà nhu cầu và dung lượng thị trường là điều kiện số 1 để phát triển kinh tế hàng hóa.

_ Lý do 3: điều kiện ra đời và tồn tại của hàng hóa và sản xuất hàng hóa (1. Phân công lao động, 2. DN tồn tại và phát triển với số lượng nhiều, chủng loại phong phú và có tính chất độc lập tự chủ về kinh doanh). Trong nước ta hiện nay, do có sự tác động của CNH, HĐH nền kinh tế mà đã phân công lao động xã hội: điều kiện phân công lao động xã hội và được về doanh nghiệp đều đang tồn tại, hơn nữa người càng được củng cố và phát triển để cho quan hệ tiền tệ – hàng hóa được phát triển.

Quá trình phát triển hàng hóa và sản xuất hàng hóa ở nước ta trong TKQĐ được phân chia thành các giai đoạn sau:

+ Phải chuyển từ nền kinh tế mang nặng tính chất tự cấp tự túc và tính chất hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

+ Phải chuyển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Câu 7:

I. Đặc điểm của nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay:

A – Nền kinh tế hàng hóa nước ta đang phát triển trong tình trạng thấp kém.

_ Cstvckth và kết cấu hạ tầng của sản xuất và xã hội đang còn bị hạn chế chưa phù hợp với nhu cầu sản xuất lớn và kinh tế thị trường chúng ta chưa HĐH trực tiếp thực sự.

_ Cơ chế quản lý kinh tế còn lạc hậu sản phẩm cũng có nhiều hạn chế về số lượng, chủng loại, chất lượng.

Do đó làm dung lượng thị trường trong nước đặc biệt thị trường ở nông thôn rất hạn hẹp.

B – Nkt hàng hóa ở nước ta hiện nay đang vận động và phát triển trong 1 cơ cấu nhiều thành phần kinh tế:

Nó đang có tác động 2 mặt đối với nền kinh tế thị trường:

_ Mặt 1 : nó tạo ra nhiều phức tạp, đối lập trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường (cạnh tranh không lành mạnh...).

_ Mặt khác: tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế hàng hóa, trước hết là bảo tồn, củng cố và phát triển 2 điều kiện ra đời và tồn tại của hàng hóa và sản xuất hàng hóa.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với thành phần kinh tế hợp tác tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Khi như vậy thì nền kinh tế tăng cường được định hướng XHCN, hạn chế được mặt trái của thị trường và đây cũng là 1 điều kiện để phát triển kinh tế hàng hóa.

Trong 2 mặt tác động thì mặt tích cực là cơ bản.

C – Nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay đang vận động và phát triển trong điều kiện có nhiều nguyên tắc và hình thức phân phối theo lao động đóng vai trò trọng tâm, ngày càng có lao động chi phối

(Tham khảo bài phương pháp và thực hiện lợi ích kinh tế quốc dân lên CNXH ở nước ta)

D – Nền kinh tế hàng hóa nước ta hiện nay đang vận động và phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý nhà nước tiến lên CNXH

Tuy nhiên cơ chế này đang trong thời kỳ xác lập và phải còn thời gian rất lâu dài nữa mới được hoàn thiện. Do đó tác động của nó đến nền kinh tế còn bị hạn chế (Tham khảo bài “cơ chế kinh tế”)

E – Nền kinh tế hàng hóa ở nước ta đang vận động và phát triển trong cơ chế kinh tế mở, thực chất là 1 cơ cấu kinh tế kết hợp giữa quan hệ kinh tế đối nội với đối ngoại

Trước hết phải mở ngay ở trong nước (không đóng kín, không tự cấp tự túc theo từng DN) tức là phải lưu thông suốt, tích cực liên doanh, liên kết kinh tế, hợp tác giữa lao động giữa các doanh nghiệp, các ngành nghề các khu vực ở trong nước với nhau, phải tích cực phát triển quan hệ theo chiều ngang để thay cho các quan hệ theo chiều dọc. Rồi từ đó sẽ mở ra với nước ngoài (thu hút đầu tư nước ngoài, liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu...).

Tóm lại nền kinh tế hàng hóa ở nước ta phải vận động theo hướng tích cực hội nhập nền kinh tế thế giới (Tham khảo bài “kinh tế đối ngoại”).

F – Nền kinh tế hàng hóa nước ta phải vận động theo hướng giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đảm bảo độc lập chủ quyền quốc gia.

II. Thực trạng và phương hướng phát triển nktế thị trường ở nước ta:

A – Thực trạng nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay:

_ Nói chung nktế hàng hóa của nước ta hiện nay là nền kinh tế hàng hóa còn kém phát triển, tính chất tự cấp tự túc, tính chất hiện vật đang tồn tại 1 cách tương đối phổ biến, tính chất sản xuất nhỏ còn là chủ yếu. Có thể nói rằng, nó đang nằm trong bước chuyển biến từ nền kinh tế hàng hóa sang kinh tế thị trường, mới bắt đầu có 1 số yếu tố của kinh tế thị trường ở nước ta sơ khai.

_ Kĩ thuật thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao là nktế ngoài – cơ sở cần phải có như sản xuất lớn, có nền đại công nghiệp cơ khí hóa, tự động hóa, quan hệ tiền tệ bao trùm nền KTQD thì nó còn đòi hỏi phải có sự phát triển đầy đủ và đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường như hàng hóa phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là được đa dạng hóa 1 cách đồng bộ, phát triển mạnh dịch vụ tinh thần, phải có những hàng hóa đặc biệt như hàng hóa sức lao động, hàng hóa tư bản, hàng hóa về tiền tệ với giá của nó là tỉ giá hối đoái, đặc biệt có hàng hóa về các dịch vụ tài chính, tiền tệ phải có khả năng chuyển đổi (lưu hành 1 cách tự do với các đồng tiền khác) giá cả phải được hình thành ngay trên thị trường và hoàn thành theo nguyên tắc bình đẳng (hoặc giá phải theo nguyên tắc thỏa thuận), mua bán diễn ra 1 cách tự do, bình đẳng, văn minh, hiện đại, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để tiến hành và cuối cùng thị trường phải tồn tại đúng nghĩa là thị trường tức là thị trường phải được đa dạng hóa, đồng bộ hóa theo yêu cầu HĐH, hiện nay có 3 hình thức thị trường hiện đại là:

- + Thị trường lao động tồn tại dưới hình thức là những trung tâm giới thiệu việc làm.
- + Thị trường chứng khoán: tồn tại dưới hình thức trung tâm giao dịch chứng khoán.
- + Siêu thị.

Câu 8: Phân tích các giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng XHCN ở nước ta.

Nói chung phải nỗ lực xác lập và mở rộng các điều kiện cần phải có mà ta biết để phát triển kinh tế thị trường. Hơn nữa, cần đặc biệt lưu ý đến một số giải pháp cụ thể như sau:

_ Nhất quán thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần để tạo cơ sở kinh tế, dẫn đến những điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa. Đặc biệt, càng về sau càng phải chăm lo tăng cường vai trò lãnh đạo của nhà nước để quá trình phát triển kinh tế ở nước ta có nhiều ưu điểm hơn so với kinh tế sản xuất hàng hóa TB.

_ Tích cực đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH nền kinh tế bởi vì trong điều kiện hiện nay, muốn phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường thì hàng hóa mình sản xuất ra phải có năng suất cao, trình độ kỹ thuật hiện đại và giá thành hạ. Những yêu cầu này không thể đảm bảo được bằng một cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu.

_ Đặc biệt tích cực cải tiến và hoàn thiện cơ chế kinh tế mới theo hướng làm cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh phải dựa trên pháp luật, rồi phải được tiến hành trong một hệ thống quản lý thông thoáng, vừa phù hợp với tính chất đa dạng, sinh động của cơ chế thị trường, vừa đi theo định hướng XHCN, vừa phải phù hợp với đặc điểm kinh tế của nước ta, với thông lệ quốc tế.

_ Tích cực xây dựng và phát triển đội ngũ người lao động, có các nhà kinh doanh giỏi, phù hợp với nhu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường. Trong đó nổi lên một vấn đề: phải dám tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động của mình.

_ Vừa tích cực hội nhập nền kinh tế thế giới bằng một nền kinh tế hàng hóa mở cửa, vừa phải giữ gìn bản sắc dân tộc.

Câu 9: Phát triển kinh tế đối ngoại : là một tất yếu khách quan

Có thể nói phát sinh và phát triển quan kinh tế đối ngoại vốn là 1 xu thế tất yếu của quá trình phát triển kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường vì sản xuất và trao đổi hàng hóa 1 mặt diễn ra trong điều kiện có phân công lao động xã hội, 1 mặt có tính chất phát triển

mạnh và sinh động, do đó nó làm xuất hiện một loạt những mâu thuẫn trước hết là có sự không ăn khớp giữa hàng hóa sản xuất ra vượt quá nhu cầu thị trường trong nước. Đồng thời lại có 1 số mặt hàng khác có ngân hàng cho sản xuất và đời sống, thế nhưng trong nước không sản xuất hay không đủ tiêu dùng, do đó phải nhập khẩu từ các nước khác.

Cũng có sự ăn giữa XXX đối tượng lao động và các ngành nghề trong mỗi 1 nước

Sự không ăn khớp giữa ngành nghề của 1 nước với máy móc thiết bị.

Không ăn khớp giữa thế mạnh về kỹ thuật hệ thống ngành nghề ở trong nước. Dù là nước tiến bộ, phát triển cao đến đâu thì vẫn tồn tại những mặt yếu về xxx cần hợp tác nước ngoài và nước lạc hậu đến đâu vẫn tồn tại những mặt về xxx để xuất khẩu ra nước ngoài. Ngoài ra các mặt khoa học công nghệ, giáo dục, đào tạo, lao động, đều có tình hình thừa thiếu ở mỗi nước và cần hợp tác với nhau.

Nhu cầu xuất nhập khẩu, hợp tác lao động sản xuất, kỹ thuật công nghệ giữa các nước do quá trình phát triển KT HH dẫn đến sẽ thể hiện càng ngày càng rõ nét hơn tức quan hệ đối ngoại giữa các nước sẽ càng sôi động hơn khi chuyển từ nền sản xuất bao cấp sang kinh tế thị trường.

Hiện nay, xu hướng của nền KT TG là trải qua một bước thay đổi về chất đối với quan hệ kinh tế đối ngoại do sự tác động của cuộc CMKHCN làm xuất hiện nhu cầu liên doanh liên kết hợp tác trên phạm vi quốc tế. Phân công lao động quốc tế phát triển thành xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế từ khu vực đến toàn cầu hóa. Trong điều kiện như vậy, xu thế như vậy thì VN chúng ta càng phải đặt mạnh vấn đề phát triển đối ngoại để phù hợp với xu thế, tính chất của thời đại.

Hiện nay nước ta đang từ 1 nền kinh tế kém chủ trương vươn lên phát triển kinh tế nhanh chóng để đuổi kịp các nước kinh tế phát triển trên thế giới. Tuy nhiên từ 1 trạng thái kém phát triển mà muốn vươn lên nhanh chóng cũng thế giới sẽ thiếu rất nhiều tlsx và td cần phải nhập khẩu để phục vụ cho cả sản xuất và đời sống. Muốn nhập khẩu phải có nhiều ngoại tệ, mà muốn có nhiều ngoại tệ thì phải xuất khẩu, mà hơn nữa phải xuất khẩu được hàng hóa, nguyên liệu ngày càng nhiều và kèm theo phải phát triển nhiều loại hình khác nhau về kinh tế, thương mại.

Nước ta hiện nay và cả trong suốt TKQĐ lên CNXH tất yếu phải phát triển ngày càng mạnh đối với quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 10: Mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của quan hệ KTĐN ở VN.

A. Mục tiêu:

Quá trình phát triển đối ngoại ở nước ta phải nhằm phục vụ cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh hay nói cách khác giữ vững độc lập dân tộc xây dựng thành công CNXH là mục tiêu trong suốt TKQĐ.

Trước mắt thì quá trình phát triển KTĐN thì phải phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và chỉnh dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phải CNXH.

B. Nguyên tắc cơ bản:

1/ Bình đẳng: có quyền ngang nhau, có trách nhiệm ngang nhau đối với 1 vấn đề nào đó có nghĩa là các đối tượng tham gia không ai bị phụ thuộc và không ai đóng vai trò áp chế. Quan hệ KTĐN được thực hiện bình đẳng là bình đẳng giữa các DN thuộc các nước. Trước mắt điều này phù hợp quy luật kinh tế phổ biến nhất trong quy luật KTTT thì trước hết là bình đẳng về kinh tế, phải được thực hiện qua thu nhập, cụ thể là lợi nhuận.

Nguyên tắc bình đẳng là 1 nguyên tắc xuất phát điểm là nguyên tắc đóng vai trò nền tảng trong quan hệ KTĐN. Muốn vai trò KTĐN tồn tại và phát triển bình thường và có tính chất bền vững thì trước hết phải bảo đảm được nguyên tắc bình đẳng.

2/ Cùng có lợi : là sự biểu hiện cụ thể của nguyên tắc thứ nhất về mặt lợi ích kinh tế. Tuy vậy, nguyên tắc thứ 2 cần được nêu lên vì trong hoạt động kinh tế vấn đề lợi ích có vai trò đặc biệt quan trọng. Có thể nói rằng đó là động lực trực tiếp, mạnh mẽ nhất đối với nhu cầu thúc đẩy sự hoạt động của con người.

3/ Tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào nội bộ của mỗi quốc gia:

Mỗi quốc gia đều có chủ quyền về kinh tế – trị – xã hội và địa lý chủ quyền này nói lên mỗi quốc gia là 1 tư cách pháp nhân trước công ước quốc tế. Tôn trọng chủ quyền từ 1 nước này đối với 1 nước khác không những phù hợp công ước quốc tế mà đồng thời cũng là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc bình đẳng về mặt pháp lý, tôn trọng chủ quyền phải thông qua 1 vấn đề cụ thể: không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

Trong thời gian vừa qua, các nước lớn trong quan hệ KTĐN dùng biện pháp: cấm vận, trừng phạt kinh tế, kết hợp trừng phạt quân sự, làm nội bộ các nước khác bị can thiệp.

Hiện nay các nước đang phát triển đang tích cực liên kết với nhau để đấu tranh chống lại những quan hệ bất bình đẳng đó. Phải trải qua 1 thời gian đấu tranh gian khổ lâu dài mới vượt qua được những cái đó.

4/ Giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia và ngày càng củng cố định hướng XHCN:

Đây là nguyên tắc nêu ra để đối phó với các nước khác, đặc biệt là những nước mạnh mà trong quá trình quan hệ KTĐN, họ có thể quan hệ không bình đẳng với ta, quan hệ theo yêu cầu hay ý đồ xấu: thôn tính ta về đất nước hay diễn biến hoà bình đối với chế độ.

Tóm lại:

Thực hiện 4 nguyên tắc trên về phát triển KTĐN thực chất là 1 quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh để cho quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước khác phát triển ngày càng mạnh, cao nhưng đồng thời mình vẫn khẳng định được mình.

Câu 11: Hình thức về quan hệ KTĐN

A. Ngoại thương:

Là hoạt động XNK, nó có 2 mặt:

_ Mặt 1: XK hàng hóa

_ Mặt 2: NK hàng hóa

Có thể nói XK và NK là 2 mặt của vấn đề ngoại thương tồn tại gắn liền với nhau, làm điều kiện tồn tại cho nhau và xâm nhập cho nhau 1 quá trình hoạt động ngoại thương bình thường là 1 quá trình tạo ra 1 tỷ lệ thích đáng giữa XK và NK, $XK > NK$: xuất siêu; $NK > XK$: nhập siêu.

B. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài:

Là tìm mọi cách để các DN, tư nhân ở nước ngoài, các tổ chức liên hiệp quốc đầu tư vốn vào nước ta để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

_ Thu hút vốn chính thức (ODA): thông qua chính phủ các nước, các tổ chức tài chính tiền tệ của liên hiệp quốc, để tài trợ cho chúng ta với điều kiện gồm: viện trợ cho không và viện trợ hoàn lại với điều kiện ưu đãi.

_ Nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDT): đầu tư nguồn vốn được thực hiện qua những con đường:

+ Chủ doanh nghiệp nước ngoài thành lập DN 100% vốn của họ ở nước ta.

+ Liên doanh, liên kết với ta để mở doanh nghiệp.

+ Mua cổ phiếu và trái phiếu của doanh nghiệp ở VN cụ thể các DN nước ngoài cho ta vay theo cơ chế thị trường để sản xuất kinh doanh. Trong hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài phải gắn liền với mặt ngược lại: ta đầu tư vốn ra nước ngoài.

2 mặt đó => hợp tác đầu tư vốn với nước ngoài.

C. Hợp tác về KHCN:

Được thực hiện thông qua các hình thức:

_ Hợp tác thông qua nghiên cứu KH bằng cách cùng nghiên cứu chung 1 đề tài.

_ Trao đổi kết quả nghiên cứu khoa học.

_ Chuyển giao công nghệ.

_ Trao đổi và hợp tác về lao động và chuyên gia.

_ Hợp tác, bồi dưỡng các nhà khoa học, các nhân viên kỹ thuật, lao động lành nghề.

D. Hợp tác tín dụng:

Tức hợp tác với các nước để phát triển tín dụng quốc tế giữa nước ta với các nước trên thế giới. Cụ thể là vay trả qua lại theo quan hệ đa phương và song phương.

Hợp tác tín dụng thông qua các tổ chức tín dụng và tiền tệ thế giới.

Thành lập các công ty tín dụng nước ta và các nước tiến lên thành lập những thị trường chứng khoán chung giữa nước ta và các nước.

E. Những hình thức KTĐN khác:

Dịch vụ thu ngoại tệ.

Hợp tác về hàng không dân dụng.

Du lịch quốc tế.

Kiều hối..

_ Việc lựa chọn đối với các hình thức quan hệ KTĐN ở nước ta được dựa trên các căn cứ:

+ Dựa vào tình hình, đặc điểm của đất nước.

+ Phương hướng phát triển KT XH của đất nước.

Tình hình và xu hướng của thị trường thế giới.

Câu 12: Vì sao quan hệ phân phối thu nhập ở nước ta lại mang tính đa dạng về hình thức? Phân tích các hình thức phân phối thu nhập cơ bản ở nước ta hiện nay.

Phân phối trên phạm vi rộng nhất là phân phối tổng sản phẩm xã hội. Tuy nhiên, vì trích quỹ bù đắp là một tất yếu kinh tế quá hiển nhiên và chỉ phức tạp về mặt kỹ thuật nên người ta thường chú ý nhiều hơn vào phân phối thu nhập quốc dân. Trong đó lại đặc biệt chú ý đến phân phối thu nhập cá nhân gọi là phân phối để thực hiện quỹ tư liệu sinh hoạt.

A – Đặc điểm về phân phối thu nhập cá nhân:

Nói chung, phải thực hiện nhiều nguyên tắc và hình thức phân phối khác nhau vì 2 lý do:

1. Do nền kinh tế đang tồn tại một cơ cấu phức tạp nhiều thành phần nên có nhiều kiểu hoạt động kinh tế khác nhau, dựa trên nhiều quan hệ sở hữu khác nhau. Cũng từ đó có nhiều kiểu phân phối khác nhau, cơ cấu nhiều trình độ công nghệ hình thành nhiều kiểu phân phối khác nhau như công nghệ hiện đại, đem lại thu nhập cao và có điều kiện tạo ra

những khoản chênh lệch cao hơn để khuyến khích loại hoạt động trực tiếp thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật.

2. Do sự tác động của cơ chế thị trường đặt các doanh nghiệp vào những trạng thái cạnh tranh quyết liệt, làm cho kinh doanh đầy biến động. Khi đó, có những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả sẽ phát tài nhanh và được phân phối những khoản thu nhập cao. Một số doanh nghiệp có thể bị thua lỗ, phá sản, thu nhập thấp. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng làm phân phối để ra 1 số hình thức riêng vì trong quá trình đó có một số ngành được ưu tiên phát triển nhanh, mạnh theo 2 hướng: một mặt được nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư vốn, lao động vào đó. Mặt khác là thu nhập cũng được khuyến khích. Kinh tế thị trường còn đề ra 1 yêu cầu là phải tạo điều kiện để khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi gia đình tích cực đầu tư vốn và tư liệu sản xuất vào sản xuất kinh doanh. Muốn vậy thì phải có những hình thức phân phối mới mang lại nguồn lực cho các hình thức kinh doanh đó.

B – Phân phối theo lao động:

1. Nội dung:

Phân phối theo lao động là căn cứ theo sản lượng, chất lượng lao động cống hiến làm thước đo để xác định phần thu nhập mà mỗi người lao động được hưởng trong quỹ tư liệu sinh hoạt. Nói một cách đơn giản hơn, phân phối theo lao động là làm nhiều được nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm thì không được hưởng. Số lượng và chất lượng lao động cống hiến được xác định theo các nhân tố tác động như sau:

- _ Sản lượng lao động được xác định bằng thời gian, cường độ lao động hoặc sản phẩm làm ra hay khối lượng công việc đã hoàn thành.
- _ Chất lượng lao động được xác định bằng chất lượng sản phẩm, trình độ lành nghề.
- _ Điều kiện làm việc cụ thể phải phụ cấp cho những người làm việc trong điều kiện nặng nhọc, khó khăn, độc hại, môi trường làm việc không hấp dẫn.
- _ Làm việc trong những ngành được ưu tiên: những ngành có tính chất mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân.

2. Phân phối theo lao động là kiểu phân phối thích hợp nhất với CNXH

Cho đến nay, trong lịch sử loài người, về mặt bản chất xã hội có 2 kiểu phân phối cơ bản nhất:

- + Phân phối vì lợi ích của chủ tư liệu sản xuất (chủ của quá trình sản xuất)
- + Phân phối vì lợi ích của người lao động.

Trong CNXH, 2 kiểu phân phối đó nhập lại thành một và chỉ nổi lên kiểu phân phối vì lợi ích của người lao động. Vì phương thức sản xuất XHCN dựa trên chế độ công hữu, khi tư liệu sản xuất trở thành của chung của xã hội hay của tập thể thì mọi người trong xã hội hay trong tập thể có quyền ngang nhau đối với tư liệu sản xuất, có lợi ích ngang nhau về tư liệu sản xuất. Trong điều kiện đó, chỉ còn dựa vào lợi ích của người lao động để phân phối. Cho đến nay đã có 3 nguyên tắc phân phối vì lợi ích của người lao động.

- + Phân phối bình quân.
- + Phân phối theo nhu cầu.
- + Phân phối theo lao động.

Tuy nhiên, phân phối bình quân hay phân phối theo nhu cầu gắn liền với những điều kiện quá thấp hoặc quá cao so với CNXH.

Đối với CNXH thì chỉ có phân phối theo lao động là thích hợp nhất. Phân phối theo lao động gắn với 2 điều kiện:

_ Sản phẩm tuy chưa dồi dào đến mức có thể phân phối theo nhu cầu nhưng cũng giàu đến mức sau khi đảm bảo nhu cầu trung bình và hiện đại cho mỗi người lao động thì còn dư ra một lượng sản phẩm để tạo ra những khoản chênh lệch tương ứng với chênh lệch về cống hiến lao động, mức chênh lệch này đủ để đảm bảo khuyến khích những người làm việc tốt và cảnh báo, trừng phạt được những người làm việc dở.

_ lao động giữa các ngành, các lĩnh vực, giữa các loại công việc có những điều kiện tiến hành rất khác nhau. Do đó mà người ta chưa tự giác làm việc. Trong tình hình như vậy, phải ràng buộc và khuyến khích đối với quá trình làm việc của người lao động bằng thu nhập.

Hai điều kiện này tồn tại rõ nhất trong CNXH.

Trong CNXH, nguyên tắc phân phối theo lao động sẽ tồn tại và vận động một cách rất phổ biến, tồn tại thành một quy luật kinh tế rất đặc trưng cho CNXH là quy luật phân phối theo lao động.

3. Nguyên tắc phân phối theo lao động.

Phải được vận dụng trong TKQĐ lên CNXH ở nước ta vì nước ta đang phát triển kinh tế XHCN, trong đó có quy luật phân phối theo lao động. Tuy nhiên, trong TKQĐ ở nước ta, nhất là thời kỳ đầu, vấn đề tính toán lao động cống hiến còn gặp nhiều khó khăn. Lao động cống hiến hay lao động hao phí vốn đã có tính chất trừu tượng.

Hơn nữa, với trình độ phát triển kinh tế hiện nay ở nước ta thì sự khác nhau giữa các loại lao động đang còn thể hiện rõ hơn nữa, với trình độ phát triển kinh tế hiện nay ở nước ta thì sự khác nhau giữa các loại lao động đang còn thể hiện rõ rệt. Trình độ tính toán về lao động hao phí cũng có rất nhiều hạn chế, cho nên việc tính toán lao động trong điều kiện hiện nay và có thể cho phần lớn thời gian của TKQĐ chỉ có thể được thực hiện thông qua những cái gì tương đối cụ thể do lao động tạo ra.

Tóm lại, trong TKQĐ ở VN thì quy luật phân phối theo lao động phải được biểu hiện thành quy luật phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong đó, kết quả sản xuất trực tiếp làm thước đo cho lao động cá nhân, còn hiệu quả sản xuất kinh doanh trực tiếp làm thước đo cho thu nhập của tập thể doanh nghiệp. Quy luật phân phối theo kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế nếu được thực hiện một cách nghiêm túc thì sẽ có nhiều tác dụng:

_ Thúc đẩy người lao động trong việc tích cực nâng cao trình độ về văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ.

_ Thúc đẩy phát triển sản xuất, từ đó sẽ cải thiện được đời sống vật chất và tinh thần người lao động. Hơn nữa, còn tạo điều kiện cho người lao động phát triển tự do, toàn diện. Đồng thời, nguyên tắc phân phối theo lao động nói chung và phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế nói riêng đang còn nhiều hạn chế. Nguyên tắc phân phối này trong thực tế đang còn những điều bất tiện bởi vì một mặt nó tạo ra sự bình đẳng cơ bản khi loại bỏ được thu nhập phi lao động, tức là loại bỏ được quan hệ bóc lột. Tuy nhiên, vẫn còn công bằng bình đẳng trong khuôn khổ pháp quyền....theo nguyên tắc ngang giá mang tính chất quan hệ hàng hóa – tiền tệ theo cơ chế thị trường, đặc biệt nó đang dẫn đến phân hóa giàu nghèo.

Kết luận; trong TKQĐ lên CNXH, do định hướng xã hội quy định mà ta phải tích cực vận dụng quy luật phân phối theo lao động, cụ thể trong các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, phải triệt để thực hiện nguyên tắc phân phối này và làm cho nguyên tắc phân phối đó đóng vai trò chủ đạo ngày càng rõ trong nền KTQĐ. Mặt khác, vì nó vẫn còn những hạn chế, cho nên phải kết hợp nguyên tắc này với thực hiện các nguyên tắc khác, phương pháp khác về phân phối.

4. Một số nguyên tắc khác và hình thức phân phối thu nhập trực tiếp cho cá nhân.

a/ Nguyên tắc phân phối theo tài sản:

xác định thu nhập cho những yếu tố về vốn, về tư liệu sản xuất, về kỹ thuật công nghệ (sở hữu công nghiệp) đã trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh. Thực tế, nguyên tắc phân phối này được thể hiện thông qua 1 số hình thức phân phối và thu nhập như sau:

- _ Trả lợi tức tín dụng, lợi tức cổ phần và trái khoán
- _ Tiền thuê tư liệu sản xuất (thuê tài chính)
- _ Chi phí về chuyển giao công nghệ, chi phí về uy tín khi phải dựa vào mẫu mã, nhãn hiệu của một doanh nghiệp có uy tín.
- _ Lợi nhuận của các nhà tư bản trong thành phần kinh tế tư nhân và thành phần kinh tế TB nhà nước cũng có một phần thuộc nguyên tắc phân phối theo tài sản.
- _ Các loại thu nhập theo nguyên tắc này nói chung là thu nhập của yếu tố thuộc về vốn, tức là thuộc về lao động quá khứ tham gia vào sản xuất kinh doanh. Loại thu nhập này, một mặt nói lên lao động quá khứ biểu hiện thành vốn sản xuất kinh doanh là một điều kiện không thể thiếu cho quá trình tạo ra sản phẩm và giá trị mới, mặt khác, chúng có điểm chung, tức là đều nằm trong sản phẩm thặng dư. Điều đó chứng tỏ nó không là nguyên nhân trực tiếp tạo ra giá trị mới.

Phân phối theo tài sản có td quan trọng đối với quá trình sản xuất kinh doanh, những nguồn thu nhập về phân phối theo tài sản trở thành động lực thúc đẩy mọi người, mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư vốn, đầu tư những kết quả của lao động quá khứ tồn tại dưới mọi hình thức vào quá trình tái sản xuất xã hội. Tóm lại, nó có td làm cho tận dụng được tiềm năng về vốn trong nền KTQĐ. Trên cơ sở đó, tổ chức tốt được quá trình huy động và sử dụng vốn hiệu quả, nó cũng tạo ra luồng vận động sôi động về vốn để phát triển thị trường tài chính, trong đó có thị trường chứng khoán.

b/ Phân phối trong thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ:

Đây là một kiểu phân phối đặc biệt. Cá thể, tiểu chủ là những người sản xuất nhỏ, sử dụng tư liệu sản xuất của mình kết hợp với sức lao động của chính mình để tạo ra sản phẩm của mình. Phần thu nhập cá nhân mà cá thể, tiểu chủ có được chính là giá trị tổng sản phẩm trừ đi tất cả những khoản cần trang trải cho tái sản xuất giản đơn làm nghĩa vụ cho nhà nước, tập thể.

Loại thu nhập của cá thể, tiểu chủ này có những đặc điểm cần chú ý:

- + Tồn tại rất phổ biến, chiếm 1 tỷ lệ rất lớn về cả dân số lẫn lãnh thổ.
- + Mặc dù phương pháp phân phối này không có tính chất bóc lột nhưng nó đang vận động trong quá trình sản xuất kinh doanh rất lạc hậu.

c/ Phân phối qua quỹ phúc lợi công cộng (phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể)

Tất cả các nguyên tắc, hình thức về phân phối trên đây chung quy lại, thu nhập của nó đều đi vào quỹ tiêu dùng gia đình (hay ngân sách gia đình)

Tuy nhiên, trong phân phối thu nhập cá nhân để thực hiện quỹ tư liệu sinh hoạt ngoài những nguyên tắc và hình thức phân phối dẫn đến quỹ tiêu dùng gia đình thì còn có một nguyên tắc nữa là phân phối qua quỹ tiêu dùng xã hội. Nguyên tắc phân phối này trong thực tế được thực hiện thông qua một kết cấu và những con đường tương đối đa dạng:

_ Con đường thứ nhất: phục vụ không mất tiền về giáo dục, y tế, nhà trẻ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí...

_ Con đường thứ 2: thực hiện các khoản trả từ quỹ bảo hiểm xã hội như trợ cấp nghỉ việc không ăn lương, trả lương hưu, chi phí về nghỉ mất sức, an dưỡng không mất tiền...

_ Con đường thứ 3: thực hiện những khoản ưu đãi về nhà ở, đi lại, trợ cấp xã hội, học bổng...

_ Con đường thứ 4: xác lập và thực hiện các quỹ từ thiện.

Phân phối qua quỹ phúc lợi công cộng để có nhiều tác dụng quan trọng:

_ Góp phần điều hoà thu nhập để khắc phục bớt những điều bất tiện mà nguyên tắc phân phối theo lao động dẫn đến, đặc biệt do nguyên tắc phân phối theo tài sản dẫn đến chênh lệch giàu nghèo.

_ Giải quyết những loại nhu cầu có tính chất cần thiết, dễ bị bỏ qua.

_ củng cố, phát triển tinh thần cộng đồng giữa người với người trong xã hội.

Phân phối qua quỹ tiêu dùng xã hội có quan hệ so sánh 2 mặt với phân phối qua quỹ tiêu dùng gia đình:

_ Một mặt, giữa 2 lĩnh vực phân phối này có một điểm chung là phân phối thu nhập cá nhân để thực hiện quỹ tư liệu sinh hoạt phục vụ tiêu dùng cá nhân của con người.

_ Mặt khác, so với phân phối qua quỹ tiêu dùng gia đình, phân phối qua quỹ tiêu dùng xã hội có đặc điểm riêng:

+ Phân phối qua quỹ tiêu dùng xã hội trực tiếp lấy từ những quỹ phục vụ chung của xã hội, của tập thể, không trực tiếp lấy từ quỹ thu nhập của doanh nghiệp.

+ Phân phối qua quỹ tiêu dùng xã hội có nhiều trường hợp người ta buộc phải sử dụng chung với nhau.

+ Trong nguyên tắc phân phối này có cả quan hệ phân phối theo nhu cầu, quan hệ phân phối bình quân, quan hệ phân phối theo lao động.

Tầm quan trọng của phân phối qua quỹ tiêu dùng xã hội thể hiện ở quy mô của quỹ phúc lợi công cộng. Tuy nhiên không thể vì tiêu dùng – một ý nghĩa xã hội quan trọng – mà chúng ta lạm dụng đẩy quá trình phân phối này mở rộng quá mức, thực hiện phúc lợi công cộng tràn lan, làm phát triển những tính chất, những nguyên tắc bao cấp trong quá trình phân phối, làm ảnh hưởng nguyên tắc phân phối theo lao động.

Tóm lại, thành lập việc tổ chức, sử dụng quỹ tiêu dùng xã hội phải đảm bảo những yêu cầu sau:

_ làm giảm khó khăn cho những người thu nhập quá thấp vì điều kiện khách quan để thể hiện tính nhân văn của chế độ CNXH.

_ Tạo điều kiện cho mỗi gia đình, mỗi cá nhân, mỗi thành phần kinh tế có cơ hội làm việc, hoạt động sản xuất kinh doanh và làm việc, hoạt động một cách tích cực hơn. Nói chung là phải nâng cao hiệu quả tổ chức và sử dụng quỹ tiêu dùng xã hội.